

QUỐC KỶ VÀ QUỐC CA VIỆT NAM

Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy

Sau năm 1975, đồng bào Việt Nam ở hải ngoại đã nhiều lần nghe những ý kiến phát biểu bằng lời nói hay bằng những bài báo về quốc kỳ và quốc ca Việt Nam. Trong những dữ kiện và ý kiến được trình bày, có cái không đúng sự thật, có cái đúng sự thật nhưng gây ra một số thắc mắc và hoang mang. Viết bài này, tác giả chỉ có mục đích trình bày một số dữ kiện lịch sử xác thật về quốc kỳ và quốc ca Việt Nam và đánh tan những luận điệu có thể làm cho người quốc gia Việt Nam thắc mắc và hoang mang về lá quốc kỳ và bài quốc ca của chúng ta.

I. QUỐC KỶ VIỆT NAM

A. SỰ XUẤT HIỆN CỦA Ý NIỆM QUỐC KỶ TRONG LỊCH SỬ NHƠN LOẠI

Việc dùng một mảnh hàng hay vải có màu sắc và hình thức nhất định để biểu tượng cho một nhơn vật, một gia tộc lãnh đạo hay một cộng đồng chánh trị đã có từ ngàn xưa. Trong các cuộc giao tranh dữ dội trên các bãi chiến trường cổ kim, binh sĩ hai bên đối đầu nhau đều lấy cờ của bên mình làm điểm hội tập và đều tận lực tranh đấu, thường khi phải hy sinh cả tánh mạng để bảo vệ nó. Trong lịch sử quân sự của mọi cộng đồng chánh trị, việc cắm được cờ của mình trên đất địch hay cướp đoạt được cờ của quân lực địch đều được xem là một chiến công rạng rỡ.

Tuy nhiên, trước cuộc Cách Mạng Pháp năm 1789, phần lớn các nước trên thế giới đều theo chế độ quân chủ, hoặc là quân chủ chuyên chế trong đó chỉ có một nhà vua nắm trọn quyền lãnh đạo và được xem là sở hữu chủ duy nhất của quốc gia, hoặc là quân chủ phong kiến trong đó bên dưới nhà vua còn có những nhà quý tộc làm chủ các lãnh địa, và có khi có những thị xã tự trị trong đó quyền điều khiển thuộc một nhóm người hào phú địa phương. Một số cộng đồng chánh trị nhỏ thời đó đã theo chế độ cộng hòa hay dân quốc. Với chế độ này, quyền lãnh đạo cộng đồng thuộc về một vài thế gia cự tộc. Các cộng đồng chánh trị kể trên đây đều độc lập hoàn toàn hay phải tùy thuộc một cộng đồng chánh trị lớn hơn đều có lá cờ làm biểu hiệu cho mình. Nhưng vì cộng đồng được xem là vật sở hữu của một gia tộc hay một thiểu số gia tộc lãnh đạo nên lá cờ của cộng đồng cũng được xem như là lá cờ của gia tộc hay các gia tộc đó.

Ý niệm quốc kỳ biểu tượng cho toàn thể quốc dân chỉ mới xuất hiện với cuộc Cách Mạng Pháp năm 1789. Với cuộc cách mạng này, quốc gia không còn được xem là vật sở hữu của một gia tộc, mà là vật sở hữu chung của toàn thể mọi người sống trong cộng đồng. Hệ luận của quan niệm mới này là lá cờ một nước không còn là biểu tượng của gia tộc lãnh đạo, mà là biểu tượng của toàn thể quốc dân. Người Pháp đã dùng từ ngữ *drapeau national* để chỉ loại cờ này. Quan niệm của người Pháp lần lần được người các nước khác chấp nhận và người thuộc các dân tộc nói tiếng Anh đã dùng từ ngữ *national flag* khi nói đến lá cờ của mình. *Drapeau national* của Pháp và *national flag* theo tiếng Anh đã được người Việt Nam chúng ta dịch là quốc kỳ.

Về mặt thực hiện cụ thể thì lá quốc kỳ đầu tiên trên thế giới là cờ tam sắc của Pháp gồm ba màu xanh, trắng, đỏ, xếp ngang nhau theo thứ tự kể trên đây. Sự hình thành của lá cờ này là kết quả của một sự thương lượng giữa hoàng gia Pháp và nhơn dân thị xã Paris. Lá cờ tiêu biểu cho hoàng gia Pháp từ nhiều đời vốn nền trắng trên có thêu một hoa huệ màu vàng. Thời quân chủ Pháp, Paris là một thị xã

được hưởng quyền tự trị và có lá cờ riêng gồm hai màu xanh và đỏ xếp ngang nhau. Khi người dân Paris nổi lên làm cách mạng đòi hỏi chính quyền cải tổ chế độ, họ vẫn còn chấp nhận nền quân chủ. Nhà vua Pháp lúc đó là Louis XVI một mặt vì nhu nhược, một mặt vì thiếu phương tiện nên không dùng võ lực đối phó một cách quyết liệt với phong trào cách mạng và chịu chấp nhận các yêu sách của nhân dân Paris. Do đó, hai bên đã đồng ý nhau lấy cờ của hoàng gia và cờ của thị xã Paris trộn lại làm huy hiệu cho nước Pháp. Nhà vua là quốc trưởng nắm quyền Hành Pháp nên màu trắng của cờ hoàng gia được đặt ở giữa, hai màu xanh đỏ của cờ thị xã Paris được ghép hai bên thành một huy hiệu tam sắc. Huy hiệu này lần đầu được phổ biến khắp nơi trong nước, và đến năm 1793, Quốc Ước Hội Nghị đã chính thức biểu quyết lấy cờ tam sắc làm quốc kỳ cho nước Pháp.

Phải nói rằng về mặt thẩm mỹ, cờ tam sắc này rất đẹp. Mặt khác, Cách Mạng Pháp thời đó lấy làm tiêu ngữ ba khẩu hiệu Liberté - Égalité - Fraternité là Tự Do - Bình Đẳng - Bác Ái. Ba màu của quốc kỳ Pháp được xem là tiêu biểu cho ba tiêu ngữ trên đây: màu xanh tiêu biểu cho Tự Do, màu trắng tiêu biểu cho Bình Đẳng và màu đỏ tiêu biểu cho Bác Ái. Cờ tam sắc của Pháp đã đẹp mà còn được giải thích một cách đầy đủ ý nghĩa tượng trưng rất phù hợp với lý tưởng chung của nhân loại nên quốc dân Pháp đã nhiệt liệt hoan nghênh nó và chấp nhận nó làm biểu tượng cho mình. Về sau, nhiều nước Tây Phương khác chịu ảnh hưởng của Cách Mạng Pháp đã chọn ba màu xanh, trắng, đỏ, làm quốc kỳ với những giải thích hơi khác nhau, nhưng vẫn dùng ba màu này làm tiêu biểu cho các lý tưởng tự do, bình đẳng và bác ái là nền tảng chung của các xã hội dân chủ tự do.

B. CÁC LÁ CỜ ĐÃ XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM VỚI TƯ CÁCH LÀ QUỐC KỲ

1. Quốc kỳ xuất hiện đầu tiên: cờ long tinh của Hoàng Đế Bảo Đại

Ở Việt Nam trước đây cũng như ở các nước quân chủ cổ thời khác, các lá cờ được dùng để biểu tượng cho một nhà lãnh đạo. Hiệu kỳ của một vị tướng cầm đầu một đạo quân thường có màu phù hợp với mạng của vị tướng đó: người mạng kim thì cờ màu trắng, người mạng mộc thì cờ màu xanh, người mạng thủy thì cờ màu đen, người mạng hỏa thì cờ màu đỏ, người mạng thổ thì cờ màu vàng. Màu cờ của các triều đại thì được các nhà sáng lập chọn lựa theo sự tính toán dựa vào thuyết của học phái Âm Dương Gia nghiên cứu về sự thịnh suy của ngũ hành lưu chuyển trong vũ trụ sao cho triều đại mình hợp với một hành đang hưng vượng. Ngoài cờ chung của triều đại, mỗi nhà vua đều có thể có lá cờ riêng của mình. Nhưng các lá cờ này chỉ để biểu tượng cho hoàng gia. Về ý niệm quốc kỳ biểu tượng cho cả dân tộc Việt Nam, nó chỉ xuất hiện ở nước ta khi dân tộc ta bị lọt vào ách thực dân Pháp.

Tuy nhiên, trong gần suốt thời kỳ Pháp thuộc, dân Việt Nam vẫn chưa có quốc kỳ. Lúc ấy, Nam Việt (được gọi là Nam Kỳ) là thuộc địa Pháp và phải dùng cờ tam sắc của Pháp, Bắc Việt và Trung Việt (được gọi là Bắc Kỳ và Trung Kỳ) trên lý thuyết là lãnh thổ của nhà Nguyễn. Các nhà vua Việt Nam thời đó đều có lá cờ biểu tượng cho mình như thời còn độc lập, nhưng cờ này chỉ được treo nơi nào có nhà vua ngự đến chứ không phải ở mọi nơi trong nước và dĩ nhiên không có tánh cách một quốc kỳ. Mãi đến thời Thế Chiến II, Hoàng Đế Bảo Đại mới ấn định quốc kỳ đầu tiên.

Nguyên lúc đó, người Pháp đã thua Đức và rất suy kém. Họ không còn đủ quân lực để bảo vệ các thuộc địa xa xôi. Riêng ở Đông Dương thì người Nhật lợi dụng sự suy kém của Pháp đòi quyền đem binh vào chiếm đóng đất này để lấy nó làm bàn đạp phong tỏa phía nam Trung Quốc và tiến đánh Đông Nam Á Châu với dụng ý chinh phục cả Á Châu. Chính phủ Pháp không thể từ chối lời đòi hỏi của Nhật và viên Toàn Quyền thời đó là Đê Đốc Decoux có nhiệm vụ phải chịu hợp tác với quân chiếm

đóng Nhựt, đồng thời cố gắng đến tối đa để bảo vệ quyền lợi Pháp ở Đông Dương. Ý thức rằng chánh sách thực dân Pháp trước Thế Chiến II làm bất mãn người Việt Nam mọi giới, Toàn Quyền Decoux đã áp dụng một chánh sách hai mặt: một mặt triệt để đàn áp các phần tử cách mạng chống Pháp, một mặt xoa dịu người Việt Nam nói chung. Trong khuôn khổ của mặt thứ nhì trong chánh sách này, ông đã có những biện pháp nâng cao uy tín của các nhà vua Đông Dương.

Hoàng Đế Bảo Đại nhưn cơ hội này đã đưa ra một vài cải cách và ban chiếu ấn định quốc kỳ của nước Đại Nam. Quốc kỳ này tên là cờ long tinh, nền vàng với một sọc đỏ nằm vắt ngang ở giữa, bề ngang của sọc đỏ này bằng 1/3 bề ngang của cả lá cờ. Cờ long tinh được dùng trên lãnh thổ Đại Nam, nghĩa là ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, vì Nam Kỳ lúc đó vẫn là thuộc địa Pháp và vẫn phải dùng lá cờ tam sắc của Pháp.

2. Quốc kỳ thứ nhì: cờ quẻ Ly của chánh phủ Trần Trọng Kim

Chánh quyền thuộc địa Pháp ở Đông Dương đã bị quân đội Nhựt lật đổ ngày 9 tháng 3 năm 1945. Hai ngày sau, Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố độc lập. Chánh phủ độc lập đầu tiên được thành lập ngày 17 tháng 4 năm 1945 do nhà học giả Trần Trọng Kim cầm đầu. Quốc hiệu được đổi là Đế Quốc Việt Nam và theo chương trình hưng quốc được chánh phủ Trần Trọng Kim ban bố ngày 8 tháng 5 năm 1945 thì quốc kỳ được chọn gọi là cờ quẻ Ly. Cờ này cũng nền vàng, ở chính giữa có một quẻ Ly màu đỏ. Ly là một trong 8 quẻ của bát quái và gồm một vạch liền, một vạch đứt và một vạch liền, bề rộng của các vạch này chỉ bằng một phần bề rộng chung của lá cờ.

Cờ quẻ Ly trên nguyên tắc là cờ của cả nước Việt Nam gồm có ba kỳ. Nhưng trong thực tế, nhà cầm quyền quân sự Nhựt đã không trao trả Nam Kỳ ngay cho triều đình Huế. Việc trao trả này chỉ thực hiện ngày 14 tháng 8 năm 1945, nghĩa là 4 ngày sau khi chánh phủ Nhựt quyết định đầu hàng Đồng Minh và 10 ngày trước khi Hoàng Đế Bảo Đại thoái vị. Do đó, đại diện của triều đình Huế chưa bao giờ được thật sự cầm quyền ở Nam Việt và cờ quẻ Ly đã không được dùng ở đó.

Trong thời gian từ ngày Nhựt đảo chánh Pháp cho đến khi Việt Minh cũng cố được chánh quyền cộng sản ở Nam Việt thì cả lãnh thổ này không có quốc kỳ. Lá cờ là điểm hội tập các phần tử quốc gia Nam Việt quyết tâm tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam thời đó là cờ của Thanh Niên Tiền Phong, một tổ chức được thành lập ngày 21 tháng 4 năm 1945, sau khi Nhựt đảo chánh Pháp, để giúp vào việc cứu trợ những nạn nhưn của các cuộc oanh tạc của Đồng Minh và sau đó, tiếp tay vào việc giúp đỡ đồng bào miền Bắc bị nạn đói. Cờ của Thanh Niên Tiền Phong nền vàng, chính giữa có ngôi sao đỏ. Nó không hề được xem là quốc kỳ, nhưng vì nó là cờ huy động các thanh niên ái quốc Nam Việt cầm tầm vông vạt nhọn đứng lên tranh đấu với Quân Đội Viễn Chinh Pháp đến xâm chiếm Nam Việt trở lại nên tôi thấy có nhiệm vụ phải nhắc đến nó trong bài khảo cứu này về các lá cờ đã được dùng ở Việt Nam.

3. Cờ đỏ sao vàng của tập đoàn Cộng Sản Việt Nam (CSVN)

Khi cướp chánh quyền ở Bắc Việt hồi tháng 8 năm 1945, tập đoàn CSVN dưới tên Việt Minh đã dùng cờ đỏ sao vàng. Cờ này sau đó được họ dùng ở những nơi họ chiếm đoạt được và cho đến nay, vẫn được họ tiếp tục xem là quốc kỳ.

4. Cờ của Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc

Khi chiếm lại được các thành phố lớn ở Nam Việt, chánh quyền Pháp đã khuyến khích phong trào Nam Kỳ tự trị. Ngày 26 tháng 3 năm 1946, họ đã cho thành lập Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc, tên Pháp là

République de Cochinchine và Cộng Hòa Quốc này đã có một quốc kỳ nền vàng, với 5 sọc vắt ngang ở giữa gần như quốc kỳ của ta hiện tại, nhưng thay vì ba sọc đỏ và hai sọc vàng như quốc kỳ của ta, nó gồm ba sọc xanh và hai sọc trắng chen nhau. Xét về mặt thẩm mỹ, cờ này rất khó coi. Bởi đó, trong những bài trào phúng trong báo Đuốc Việt là cơ quan ngôn luận bán chính thức của Xứ Bộ Nam Việt Đại Việt Quốc Dân Đảng lúc ấy, tôi đã đặt cho nó cái biệt danh là lá cờ sốt rét.

5. Quốc kỳ của chúng ta hiện nay

Quốc kỳ của chúng ta hiện nay do một họa sĩ nổi tiếng thời Thế Chiến II là Lê Văn Đệ vẽ và đã được Cựu Hoàng Bảo Đại chọn trong nhiều mẫu cờ khác nhau được trình cho ông trong một phiên họp ở Hồngkong năm 1948, gồm có ông và đại diện các đoàn thể chánh trị và tôn giáo cùng một số thân hào nhơn sĩ về phía người quốc gia Việt Nam. Như mọi người đều biết, nó có nền vàng với ba sọc đỏ và hai sọc vàng chen nhau nằm vắt ngang ở giữa, bề ngang của mỗi sọc đỏ và vàng này bằng nhau và bề ngang chung của năm sọc bằng 1/3 bề ngang chung của lá cờ. Cờ vàng ba sọc đỏ đã được dùng làm quốc kỳ cho quốc gia Việt Nam khi chánh phủ lâm thời Việt Nam được thành lập ngày 2 tháng 6 năm 1948 dưới sự chủ tọa của Tướng Nguyễn Văn Xuân. Nó đã tiếp tục được dùng suốt thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa Việt Nam, cho đến ngày nay.

C. Ý NGHĨA CỦA LÁ CỜ ĐÃ ĐƯỢC DÙNG LÀM QUỐC KỲ

Trong các lá cờ mô tả trên đây, cờ vàng sao đỏ không hề được xem là quốc kỳ, cờ sốt rét của Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc chỉ là cờ của một chánh phủ bù nhìn dùng trên bộ phận của nước Việt Nam. Vậy, đúng danh nghĩa quốc kỳ chỉ có bốn lá cờ: cờ long tinh, cờ quẻ Ly, cờ đỏ sao vàng của tập đoàn CSVN và cờ vàng ba sọc đỏ của người quốc gia Việt Nam. Lúc cờ vàng ba sọc đỏ ra đời, một số người đã gọi chung bốn lá cờ trên đây là cờ tứ linh: cờ long tinh dĩ nhiên là cờ long, chữ ly trong cờ quẻ Ly đồng âm với ly là con lân, cờ của tập đoàn CSVN được xem là qui vì nó có ngôi sao 5 nhánh y như con rùa ló đầu và bốn chơn ra và quốc kỳ của chúng ta là phụng vì nó có ba sọc đỏ nằm song song nhau như đuôi chim phụng.

1. Ý nghĩa và màu sắc của bốn lá cờ được dùng làm quốc kỳ

Điều đáng để ý là cả bốn lá cờ được dùng làm quốc kỳ Việt Nam đều gồm hai màu vàng và đỏ. Tuy nhiên, màu sắc của lá cờ CS nền đỏ sao vàng có ý nghĩa hoàn toàn khác ba lá cờ về phía người quốc gia Việt Nam.

a. Ý nghĩa lá cờ đỏ sao vàng của tập đoàn CSVN

Đảng kỳ của Cộng Sản Đệ Tam Quốc nền đỏ trên có búa và liềm màu vàng. Quân Đội Cộng Sản Nga lúc nổi lên cướp chánh quyền thì lấy ngôi sao đỏ làm biểu hiệu. Quốc kỳ của Liên Xô gồm huy hiệu của Đảng và Quân Đội nên cũng nền đỏ trên có búa liềm vàng và ngôi sao đỏ. Nhưng muốn cho ngôi sao đỏ hiện được trên nền đỏ của lá cờ, Cộng Sản Liên Xô đã phải dùng một viền màu vàng bao quanh nó. CSVN đã phỏng theo cờ Liên Xô để làm quốc kỳ. Nhưng năm 1945, họ còn phải giấu tánh chất cộng sản của họ nên không dám để búa liềm trên quốc kỳ này và chỉ dùng ngôi sao tượng trưng cho quân lực cộng sản. Điểm khác với Liên Xô là ngôi sao tượng trưng cho quân lực CSVN màu vàng chứ không phải màu đỏ viền vàng.

Chúng ta không nên quên rằng hai điều căn bản trong điều lệ của Đảng Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế do Lenin thành lập là người tuyên thệ vào đảng này phải xem Liên Xô là tổ quốc số một của mình và phải triệt để tuân lệnh cơ quan lãnh đạo của Đảng đặt tại Liên Xô. Lấy cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ, Hồ Chí

Minh và tập đoàn CSVN đã biểu lộ ý muốn xem lực lượng quân sự Việt Nam là một lực lượng phụ dịch cho Quân Đội Liên Xô, và như vậy thì dĩ nhiên nước Việt Nam Cộng Sản phải là một nước chư hầu của Liên Xô.

Ý muốn này đã được thực hiện hoàn toàn sau năm 1975. Lúc CSVN chiếm được Miền Nam Việt Nam, Hoa Kỳ đã rút lực lượng quân sự khỏi Đông Nam Á Châu và sẵn sàng bắt tay với họ. Trung Cộng tuy không còn là thân hữu và có những hành động chống đối họ, nhưng không có sự uy hiếp quân sự đáng kể. Nếu CSVN giữ thái độ trung lập giữa Trung Cộng và Liên Xô, đồng thời tỏ ra hòa hoãn với Hoa Kỳ, họ đã có thể nhờ sự giúp đỡ của Hoa Kỳ để phát triển kinh tế và dựa vào cả Hoa Kỳ lẫn Liên Xô để hóa giải áp lực Trung Cộng. Nhưng tập đoàn CSVN đã công khai đứng về phía Liên Xô để gây hấn với Trung Cộng và cho Liên Xô dùng Việt Nam làm một căn cứ quân sự chống lại Trung Cộng, đồng thời uy hiếp lực lượng Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương. Hiện nay, mọi người đều thấy rõ nước Việt Nam Cộng Sản là một chư hầu của Liên Xô và lực lượng quân sự của CSVN chỉ là lực lượng phụ dịch của Hồng Quân Liên Xô.

Tuy những điều kể trên đây chỉ mới thể hiện sau này, nhưng ý đồ của tập đoàn CSVN đã biểu lộ ngay từ lúc họ lấy cờ đỏ sao vàng làm quốc kỳ. Vậy, cờ đỏ sao vàng là biểu tượng của tinh thần vọng ngoại chấp nhận làm thuộc hạ của Liên Xô. Nó hàm ý để cho Liên Xô có quyền can thiệp vào nội bộ Việt Nam. Đối với những ai cho rằng Đảng Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế đã bị giải tán năm 1943 nên Liên Xô không có quyền can thiệp vào việc nội bộ các nước cộng sản chư hầu, chúng tôi xin nhắc lại rằng Ông Brezhnev, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô khi biện minh cho việc Liên Xô can thiệp vào việc nội bộ của các nước cộng sản Đông Âu trong thập niên 1960 đã công khai nêu trước cộng đồng thế giới thuyết chủ quyền hạn chế theo đó một nước xã hội chủ nghĩa đàn anh (tức là Liên Xô) có quyền can thiệp vào việc nội bộ của các nước xã hội chủ nghĩa đàn em (trong đó dĩ nhiên là có Việt Nam) để bảo vệ các nguyên lý của xã hội chủ nghĩa.

b. Ý nghĩa của màu vàng và màu đỏ của những quốc kỳ về phía người quốc gia

Màu vàng và đỏ của các quốc kỳ về phía người quốc gia thì có một ý nghĩa hoàn toàn khác. Theo một số người Việt Nam, hai màu của các quốc kỳ về phía người quốc gia biểu tượng cho dân Việt Nam da vàng máu đỏ. Tư tưởng này có lẽ đã bị ảnh hưởng ít nhiều lối giải thích về ý nghĩa lá cờ nửa vàng nửa đỏ mà Việt Nam Quốc Dân Đảng đã dùng trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 1930. Nhưng lối giải thích trên đây không đúng đối với các quốc kỳ Việt Nam về phía người quốc gia. Các quốc kỳ này thật sự có một ý nghĩa sâu sắc hơn, liên hệ đến cả vũ trụ quan của dân tộc Việt Nam.

Trong vũ trụ quan này, có sự liên hệ mật thiết giữa các màu sắc, phương hướng và ngũ hành. Màu vàng thuộc hành thổ và ở vị trí trung ương. Vì thế, nó vừa tượng trưng lãnh thổ, vừa tượng trưng cho uy quyền của nhà lãnh đạo tối cao được xem là sở hữu chủ của lãnh thổ này. Các nhà vua Trung Hoa xưa kia cho mình là kẻ làm chủ cả thiên hạ. Bởi đó, họ tự xưng là hoàng đế đứng trên các vị quốc vương làm vua một nước, và nắm giữ độc quyền dùng màu vàng làm y phục. Các nhà vua Việt Nam xưa kia vì thế yếu hơn các nhà vua Trung Hoa và không muốn có những cuộc chiến tranh liên miên với họ chỉ vì vấn đề danh phận nên đã phải chấp nhận làm chư hầu của hoàng đế Trung Hoa với tước hiệu quốc vương. Nhưng trái với các nhà vua Triều Tiên dùng tước hiệu quốc vương trong mọi trường hợp và không bao giờ dám mặc y phục màu vàng, các nhà vua Việt Nam chỉ dùng tước hiệu quốc vương trong sự giao thiệp với Trung Quốc, còn đối với thần dân trong nước và đối với các nước láng giềng khác, họ đã tự xưng là hoàng đế. Mặt khác, họ đã mặc y phục màu vàng y như nhà vua Trung

Hoa. Như thế, trong tâm thức tự ngàn đời của dân tộc Việt Nam, việc dùng màu vàng là biểu tượng cho một chủ quyền nguyên vẹn của quốc gia, một nền độc lập hoàn toàn đối với Trung Quốc.

Cũng trong vũ trụ quan Việt Nam và Trung Hoa thời trước, màu đỏ thuộc hành hỏa và chỉ phương nam. Do đó, dùng màu đỏ làm biểu tượng là nhấn mạnh trên chỗ dân tộc ta là một dân tộc ở phương nam, đối chiếu với dân tộc Trung Hoa ở phương bắc. Cùng với việc dùng màu vàng, nó nói lên quan điểm của người Việt Nam tự xem mình là một dân tộc nắm trọn chủ quyền của nước mình và ngang hàng với dân tộc Trung Hoa.

Quan điểm trên đây đã được Nguyễn Trãi nêu ra rất rõ trong đoạn đầu của bài Bình Ngô Đại Cáo: "Như ngã Đại Việt chi quốc, thực vi văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi cương vực ký thù, Nam Bắc chi phong tục diệc dị. Tự Triệu Đinh Lý Trần chi triều tạo ngã quốc, dữ Hán Đường Tống Nguyên nhi các đế nhứt phương". Ý nghĩa chính xác của đoạn văn trên này là: "Như nước Đại Việt ta quả là một nước văn hiến. Bờ cõi núi sông (của nước ta và Trung Quốc) đã phân biệt nhau mà phong tục (của chúng ta là) dân phương nam cũng khác với phong tục (của người Trung Hoa là) dân phương bắc. Từ nhà Triệu, nhà Đinh, nhà Lý, nhà Trần xây dựng nước ta, (các vua ta đã cùng các vua Trung Quốc của) nhà Hán, nhà Đường, nhà Tống, nhà Nguyên mỗi bên đều làm hoàng đế một phương."

Trong bài này, chúng ta có thể nhận thấy rằng Nguyễn Trãi đã xem nhà Triệu là một triều đại Việt Nam, mặc dầu theo phần lớn các sử gia hiện tại, đó là một triều đại do người Trung Hoa thành lập. Như thế là vì Triệu Đà là người đầu tiên áp dụng nguyên tắc nhận làm chư hầu của Trung Hoa để tránh việc tranh chiến, nhưng bên trong nước, vẫn tự xưng là hoàng đế, nghĩa là tự xem mình ngang hàng với nhà vua Trung Hoa.

Dẫu quan điểm của chúng ta đối với nhà Triệu như thế nào thì lập trường chung của dân tộc Việt Nam về sự độc lập hoàn toàn và chủ quyền nguyên vẹn của quốc gia cũng đã được nêu rõ trong bài Bình Ngô Đại Cáo và được thể hiện rõ rệt với hai màu vàng và đỏ dùng trong các quốc kỳ được phía người quốc gia chọn lựa. Vậy, hai màu vàng và đỏ của các quốc kỳ này khác hẳn ý nghĩa của cờ đỏ sao vàng được tập đoàn CSVN dùng làm quốc kỳ. Hai màu vàng và đỏ của các quốc kỳ về phía người quốc gia đặt nền tảng trên bài Bình Ngô Đại Cáo, một bản văn được một nhà ái quốc Việt Nam viết lên sau khi nước ta được giải phóng khỏi ách đô hộ của người Trung Hoa và biểu lộ tinh thần độc lập của dân tộc. Trong khi đó, cờ đỏ sao vàng của tập đoàn CSVN biểu lộ tinh thần nô lệ, thần thuộc nước ngoài vì đặt nền tảng trên nguyên tắc tổ chức của Cộng Sản quốc tế ngày nay được nêu rõ trong thuyết chủ quyền hạn chế của nhà lãnh tụ Liên Xô Brezhnev, theo đó, Liên Xô có quyền can thiệp vào việc nội bộ của các nước theo xã hội chủ nghĩa để bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

2. Ý nghĩa đặc biệt của cờ quẻ Ly và cờ vàng ba sọc đỏ

Ngoài ý nghĩa chung về màu sắc nói trên đây, cờ quẻ Ly và cờ vàng ba sọc đỏ còn có những ý nghĩa riêng cũng rất sâu sắc.

a. Ý nghĩa cờ quẻ Ly

Như chúng tôi đã nói trên đây, Ly là một quẻ của bát quái. Cũng như màu đỏ, nó tượng trưng cho phương nam. Trong vũ trụ quan của Việt Nam và Trung Hoa thời trước, màu đỏ thuộc hành hỏa, tượng trưng cho mặt trời hay lửa; quẻ Ly cũng tượng trưng cho mặt trời, cho lửa, cho ánh sáng, cho nhiệt lực và về mặt xã hội thì tượng trưng cho sự văn minh.

Về hình dạng thì quẻ Ly trên cờ của chánh phủ Trần Trọng Kim gồm một vạch đồ liền, một vạch đồ đứt và một vạch đồ liền. Do đó, bên trong quẻ Ly, hiện lên một nền vàng gồm hai vạch liền và một vạch đứng nối liền hai vạch ấy. Trong Hán văn, đó là chữ Công. Chữ công này được dùng trong các từ ngữ công nhơn, công nghệ để chỉ người thợ và nghề biến chế các tài nguyên để phục vụ đời sống con người. Vậy, ngoài ý nghĩa văn minh rạng rỡ, quẻ Ly còn hàm ý ca ngợi sự siêng năng cần mẫn và sự khéo léo của dân tộc Việt Nam trong các ngành hoạt động sản xuất kỹ nghệ.

b. Ý nghĩa cờ vàng ba sọc đỏ

1/ Ý nghĩa chánh trị

Trong lá quốc kỳ, nền vàng tượng trưng cho quốc gia và dân tộc Việt Nam nói chung và ba sọc đỏ tượng trưng cho ba kỳ. Vậy, ba sọc đỏ name trên nền vàng hàm ý là nước Việt Nam gồm cả ba kỳ và dân tộc Việt Nam gồm người của cả ba kỳ.

Ngày nay, sự thống nhất của quốc gia và dân tộc Việt Nam là một điều không ai phủ nhận được nên người Việt Nam hiện tại không ý thức được sự gay go của cuộc tranh đấu đòi thống nhất trong thập niên 1940, nhất là ở Nam Việt. Trong ngôn ngữ Việt Nam, chữ kỳ có nghĩa là một phần đất của một quốc gia chứ không hàm ý một lãnh thổ biệt lập. Các từ ngữ Bắc Kỳ, Nam Kỳ thật sự đã được triều đình Huế dùng lúc nước Việt Nam chưa bị người Pháp xâm lăng để chỉ hai địa phương của một quốc gia thống nhất. Sau khi xâm chiếm Việt Nam, người Pháp mới tách Nam Kỳ ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, rồi dùng từ ngữ Trung Kỳ để chỉ phần đất ở hai phía bắc và nam của kinh đô Huế. Nam Kỳ được Pháp trực tiếp cai trị như một phần đất của Pháp. Bắc Kỳ và Trung Kỳ được xem là lãnh thổ của nhà Nguyễn chịu sự bảo hộ của Pháp, nhưng từ năm 1897, Pháp lại ép nhà vua Việt Nam phải giao quyền đại diện mình cho một Thống Sứ Pháp thành ra Pháp đã can thiệp vào sự cai trị đất này một cách trực tiếp hơn ở Trung Kỳ.

Trong hệ thống tổ chức của Pháp trước Thế Chiến II, ba kỳ của Việt Nam đã được xem như là ba lãnh thổ biệt lập. Sau Thế Chiến II, kế hoạch của Pháp là thành lập một Liên Bang Đông Dương gồm 5 nước là ba kỳ của Việt Nam, Cam Bu Chia và Lào. Trong 5 nước này, Nam Kỳ là đất mà Pháp tha thiết muốn nắm giữ dưới quyền thống trị của mình hơn hết vì nó đã được họ trực tiếp cai trị từ năm 1867, lại là phần đất thanh vượng trù phú nhất. Bởi đó, họ đã nhất định không chấp nhận một nước Việt Nam thống nhất gồm cả ba kỳ. Tháng 3 năm 1946, họ đã cho thành lập Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc. Thiếu số người Việt Nam theo họ lúc đó đã chống lại quan niệm Việt Nam thống nhất một cách mạnh mẽ. Các phần tử quá khích trong nhóm này đã xem đồng bào gốc Bắc Việt cư trú ở Nam Việt trong thời kỳ đó là người của một nước địch và thường hành hung đối với các đồng bào ấy. Trong các cuộc bố ráp hay chặn đường xét giấy căn cước, họ thường bắt người dân nói ba tiếng "Tân Sơn Nhất", người nào không nói đúng giọng Miền Nam thì bị họ đánh đập một cách tàn nhẫn.

Sau mấy năm tác chiến ở Đông Dương, người Pháp ý thức rằng họ không thể áp đặt ở Việt Nam một chế độ thống trị theo khuôn khổ họ đặt ra. Vì cần dùng sự giúp đỡ của Hoa Kỳ để có phương tiện tài chánh đối phó với CSVN, họ phải chấp nhận điều kiện của Hoa Kỳ là nhìn nhận nền độc lập của Việt Nam. Bởi đó, họ đã tiếp xúc và thương thuyết với Cựu Hoàng Bảo Đại. Tuy nhiên, họ chỉ muốn cho Việt Nam hưởng một nền độc lập hình thức, và thực quyền vẫn còn nằm trong tay họ. Mặt khác họ không chấp nhận sự thống nhất của Việt Nam và tìm mọi cách giữ riêng Nam Kỳ dưới quyền cai trị trực tiếp của họ.

Nhờ được Anh Nguyễn Tôn Hoàn từ Trung Hoa về cho biết về tình thế và nhận chân rằng chỉ có Cựu Hoàng Bảo Đại mới có thể đại diện cho người quốc gia Việt Nam trong cuộc thương thuyết với Pháp nên Xứ Bộ Nam Việt của Đại Việt Quốc Dân Đảng đã phát động phong trào đòi thi hành giải pháp Bảo Đại với một nước Việt Nam độc lập và thống nhất. Lúc ấy, người Pháp đã đàn áp phong trào này ở Nam Việt một cách mạnh mẽ. Một số đồng chí của tôi trong đó có Anh Dương Quang Tiếp (sau này phục vụ trong Quân Đội và trong ngành cảnh sát với cấp bậc đại tá và đã từ trần trong trại tù cộng sản) đã bị Pháp bắt và đánh đập tàn nhẫn khi rải truyền đơn đòi thi hành giải pháp Bảo Đại.

Tuy được sự yểm trợ của Hoa Kỳ trong cuộc thương thuyết, Cựu Hoàng Bảo Đại không nắm được ưu thế hoàn toàn đối với Pháp vì lúc đó, Trung Cộng đã thắng thế hơn Trung Hoa Dân Quốc và CSVN có triển vọng được Trung Cộng giúp đỡ trong tương lai. Người Pháp đã cho Cựu Hoàng Bảo Đại biết rằng nếu không thỏa thuận được với ông, họ sẽ thương thuyết với Hồ Chí Minh. Nhận thấy thời gian không thuận lợi cho mình, Cựu Hoàng Bảo Đại đã phải nhượng bộ cho Pháp về mặt độc lập, nghĩa là chấp nhận để cho Việt Nam ở trong Liên Hiệp Pháp với những mối liên hệ chặt chẽ với Pháp, nhưng cương quyết đòi Pháp phải nhận cho Việt Nam thống nhất. Người Pháp đã phải nhượng bộ ông về vấn đề này.

Nhưng ngay đến lúc chánh phủ Pháp chấp nhận cho Nam Kỳ được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam, đám thực dân ở Nam Việt vẫn chưa chịu thua và nhiệt liệt chống lại việc ấy. Vì Nam Kỳ được xem là một lãnh thổ của Pháp mà theo nền pháp lý của Pháp thì mọi quyết định liên hệ đến qui chế của đất này phải có sự chấp thuận của một hội nghị địa phương tên là Hội Đồng Lãnh Thổ Nam Kỳ (Assemblée Territoriale de Cochinchine), thực dân Pháp đã dự liệu bỏ ra một số tiền lớn để mua chuộc những người Pháp và người Nam Kỳ có quốc tịch Pháp được bầu vào Hội Đồng đó biểu quyết chống lại việc sáp nhập Nam Kỳ vào lãnh thổ Việt Nam. Chúng tôi đã biết được kế hoạch này và đã nhiệt liệt chỉ trích nó trên hai tờ báo Đuốc Việt (cơ quan ngôn luận bán chánh thức của Xứ Bộ Nam Việt Đại Việt Quốc Dân Đảng) và Thanh Niên (cơ quan ngôn luận chánh thức của một tổ chức do Xứ Bộ này thành lập là Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn).

Sự tố cáo của chúng tôi làm cho người Pháp rất căm tức. Tướng Boyer de la Tour du Moulin, Ủy Viên Cộng Hòa Pháp ở Nam Kỳ lúc đó đã mời một đồng chí của tôi là Anh Đỗ Văn Năng, Thủ Lãnh Thanh Niên Bảo Quốc Đoàn, đến gặp ông và bảo rằng: *"Xin ông nhớ cho rằng tôi là người Pháp có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của nước Pháp. Các hoạt động của đoàn thể ông có hại cho quyền lợi này. Các ông phải chấm dứt nó hay ít nhất cũng giảm thiểu nó, nếu không, tôi buộc lòng phải đối phó một cách quyết liệt. Tôi sẽ rất tiếc nếu phải làm như vậy, vì tôi lúc nào cũng tôn trọng ông là người mà tôi nhìn nhận là rất đứng đắn". Anh Đỗ Văn Năng đã điềm tĩnh trả lời: "Tôi rất cảm ơn ông đã tỏ ra thành thật với tôi, và tôi thấy có nhiệm vụ cũng phải thành thật đối với ông. Xin ông hiểu giùm cho rằng ông yêu nước Pháp như thế nào thì tôi yêu nước Việt Nam như thế ấy và ông có quyết tâm bảo vệ quyền lợi Pháp như thế nào thì tôi cũng có quyết tâm bảo vệ quyền lợi nước Việt Nam như thế ấy".*

Sau đó, chúng tôi vẫn tiếp tục chiến dịch tố cáo các âm mưu của thực dân Pháp ở Nam Việt tìm cách phá hoại các giao ước giữa chánh phủ Pháp với Cựu Hoàng Bảo Đại về vấn đề thống nhất Việt Nam. Mặt khác, Cựu Hoàng Bảo Đại lúc ấy còn ở Âu Châu đã cho biết rằng ông chỉ chịu về nước lãnh đạo chánh phủ nếu việc tái nhập Nam Kỳ vào lãnh thổ Việt Nam được xác định một cách rõ rệt. Cuối cùng, các hội viên của Hội Đồng Lãnh Thổ Nam Kỳ đã không dám chống hẳn lại việc thống nhất Việt Nam. Họ chỉ ghi thêm trong quyết nghị biểu quyết ngày 23 tháng 4 năm 1949 chấp nhận để Nam Kỳ được sáp nhập vào lãnh thổ Việt Nam một điều kiện là nếu có sự thay đổi trong mối liên hệ giữa Việt Nam với Liên Hiệp Pháp thì Nam Kỳ sẽ lại được quyền tự quyết định về số phận mình.

Đám thực dân Pháp ở Nam Kỳ rất thù hận chúng tôi về việc đã chống lại họ một cách mãnh liệt về vấn đề thống nhất Việt Nam. Do đó, họ ngầm thông đồng với bọn công tác thành của CSVN và để cho một cán bộ trong bọn công tác này là La Văn Liếm hạ sát Anh Đỗ Văn Năng ở Sài Gòn vào những tháng đầu năm 1950. Ngoài anh ra, chắc hẳn còn có nhiều người Việt Nam khác thuộc các tổ chức ái quốc đã bị Pháp sát hại vì cuộc tranh đấu cho Việt Nam thống nhất.

Vậy, đồng bào gốc Bắc Việt vào cư trú Nam Việt trước 1945 và người Nam Việt chủ trương thống nhất đã phải tranh đấu rất gay go, có người phải thiệt mạng vì chủ trương này. Bởi đó, sọc đỏ thứ ba trên quốc kỳ tượng trưng cho Nam Việt thật sự đã được tô bằng máu của nhiều nhà ái quốc và điều này làm cho cờ vàng ba sọc đỏ có một ý nghĩa chánh trị sâu xa mà nhiều người Việt Nam hiện nay không thấy được.

Một quyết định khác của Quốc Trưởng Bảo Đại khi ông mới về nước năm 1949 cũng có một ý nghĩa chánh trị ít ai được biết là việc chọn Sài Gòn làm thủ đô. Vì là người kế thừa nhà Nguyễn nên Quốc Trưởng Bảo Đại rất muốn đặt chánh phủ thống nhất của Việt Nam ở Huế là kinh đô cổ truyền của triều đại mình. Nhưng lúc ấy, nhà cách mạng lão thành Trần Văn Ân đã bàn với ông là nếu ông lay Huế làm thủ đô, việc sáp nhập Nam Kỳ vào lãnh thổ Việt Nam không được thể hiện rõ rệt đối với người Việt Nam và người ngoại quốc và nền thống nhất thân hoạch được một cách gay go sẽ không vững chắc. Đặt thủ đô ở Sài Gòn để cho mọi chánh lệnh ban hành trong toàn quốc Việt Nam phát xuất từ Nam Việt thì tánh cách thống nhất của nước Việt Nam từ mũi Cà Mau đến ải Nam Quan hiển hiện trước mắt và trong tâm thức mọi người thành ra không ai còn hoài nghi hay phủ nhận sự thống nhất đó được nữa. Quốc Trưởng Bảo Đại tán thành ý kiến trên đây của Ông Trần Văn Ân và quyết định lập chánh phủ thống nhất ở Sài Gòn, mặc dầu ông không thích ở Sài Gòn vì chánh quyền Pháp lúc đó chịu giao Phủ Cao Ủy ở Hà Nội cho ông mà lại giữ Phủ Cao Ủy ở Sài Gòn là Dinh Norodom (sau này gọi lại là Dinh Độc Lập) thành ra tại Sài Gòn, Phủ Thủ Tướng của Việt Nam kém bề thế hơn Phủ Cao Ủy của Pháp.

2/ Ý nghĩa triết lý

Về mặt triết lý, trong bát quái, ba vạch liền là quẻ Càn, tượng trưng cho trời, cho vua, cho cha và cho quyền lực. Ngày nay, chúng ta sống trong chế độ dân chủ và quẻ Càn trên quốc kỳ có thể dùng để tượng trưng cho quốc gia và dân tộc Việt Nam và sức mạnh của toàn dân ta.

3. Cờ vàng ba sọc đỏ và cờ đỏ sao vàng

a. So sánh cờ vàng ba sọc đỏ và cờ đỏ sao vàng về mặt thẩm mỹ

Nói chung thì trên một lá cờ gồm hai màu, một đậm, một nhạt thì nếu màu đậm quá nhiều và làm nền còn màu nhạt quá ít và làm dấu hiệu phụ thuộc thì màu nhạt bị màu đậm tràn ngập và lá cờ trở thành tối. Trái lại, nếu màu nhạt nhiều hơn và làm nền còn màu đậm ít hơn và làm dấu hiệu phụ thuộc thì màu đậm in rõ lên nền màu nhạt và cả hai màu đều sáng chói. Quốc kỳ của tập đoàn CSVN gồm một ngôi sao vàng nhỏ trên nền đỏ, màu vàng của ngôi sao bị nền đỏ sậm hơn tràn ngập nên chỉ hiện lean như một tia sáng yếu ớt và cả lá cờ xem rất tối. Quốc kỳ của người quốc gia chúng ta trái lại, dùng màu vàng làm nền và ba sọc đỏ sậm hơn đã hiện rõ lên nền vàng này thành ra cả hai màu đều tươi sáng. Vậy, chỉ xét riêng về mặt thẩm mỹ, quốc kỳ của chúng ta tươi đẹp hơn quốc kỳ của tập đoàn CSVN rất nhiều. Điều đó cũng không có chi lạ. Quốc kỳ của chúng ta do một họa sĩ nổi tiếng vẽ ra, còn cờ của tập đoàn CSVN chỉ là sự mô phỏng nô lệ cờ một đế quốc có chủ trương sát máu và không có ý thức gì về cái đẹp.

b. So sánh cờ vàng ba sọc đỏ với cờ đỏ sao vàng về mặt triết lý

Nếu lấy nền triết lý cổ truyền của dân tộc Việt Nam làm căn bản để phán đoán thì cờ vàng ba sọc đỏ của chúng ta cũng có một ý nghĩa tốt đẹp hơn cờ đỏ sao vàng nhiều. Theo quan niệm cổ của dân tộc Việt Nam, màu vàng thuộc hành thổ và màu đỏ thuộc hành hỏa và vì hỏa sanh thổ nên hai màu này rất hợp với nhau. Nhưng trên cờ đỏ sao vàng, màu đỏ quá nhiều, màu vàng quá ít, cũng như khối lửa lớn hay một ánh nắng gay gắt nung đốt một hòn đất nhỏ thành ra hòn đất bị khô cằn đi. Trong khi đó, trên cờ vàng ba sọc đỏ, ba sọc đỏ nhỏ như những tia nắng rơi xuống một mặt đất rộng rãi làm cho mặt đất này ấm áp và có điều kiện thuận lợi cho cây cỏ mọc lên được.

Ý nghĩa về triết lý trên đây thật ra cũng phù hợp với bản chất của chế độ chánh trị hai bên. Chế độ cộng sản là một chế độ độc tài toàn diện đè ép nhơn dân, phủ nhận các quyền lợi căn bản của con người, làm thui chột các sáng kiến nên không thể phát triển được. Dưới quyền của tập đoàn CSVN, nước Việt Nam đã trở thành một mảnh đất cằn cỗi không sinh khí và xã hội Việt Nam lọt vào sự đói khổ cùng cực. Chế độ quốc gia dung nạp sự tự do, tôn trọng các quyền lợi căn bản của con người và khuyến khích sáng kiến nên mặc dầu các nhà lãnh đạo về phía quốc gia đã phạm nhiều lỗi lầm trầm trọng, mặc dầu CSVN đã gây nhiều tàn sát và phá hoại, phần lãnh thổ Việt Nam do người quốc gia điều khiển đã là một mảnh đất đầy sinh khí và nhơn dân Việt Nam trên lãnh thổ này đã hưởng một nếp sống tương đối tự do và trù phú hơn.

D. VẤN ĐỀ THAY ĐỔI QUỐC KỲ

1. Các lập luận đưa ra để phủ nhận cờ vàng ba sọc đỏ

Sau năm 1975, trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại có một số người chủ trương phủ nhận lá cờ vàng ba sọc đỏ. Trong số những người này, có kẻ bảo rằng đó là cờ thua trận, có kẻ bảo rằng đó là một lá cờ của một chế độ tham nhũng thối nát, có kẻ cho rằng đó là cờ của Bảo Đại, cờ của Ông Ngô Đình Diệm hay cờ của Ông Nguyễn Văn Thiệu là những người lãnh đạo mà họ cho là không xứng đáng.

2. Quan niệm chung của người các nơi trên thế giới về quốc kỳ

Thật sự thì quốc kỳ một nước thường có ý nghĩa sâu xa liên hệ đến văn hóa và lịch sử dân tộc. Dầu cho nó do ai chọn lựa và chọn lựa như thế nào thì một khi đã được dùng làm quốc kỳ, nó cũng không còn có thể được xem là của cá nhơn nào mà phải được xem là của toàn thể nhơn dân trong nước. Bởi đó, số phận quốc kỳ không thể cột buộc vào số phận một nhà lãnh đạo, vào những ưu khuyết điểm của một chế độ hay vào sự thắng bại trong một cuộc tranh đấu. Trong lịch sử thế giới, không ai chủ trương phủ nhận quốc kỳ của mình hay thay đổi nó vì các lý do trên. Việc thay đổi quốc kỳ chỉ được đặt ra khi trong nước có những quan niệm chánh trị mới hoàn toàn khác quan niệm làm căn bản cho chế độ quốc gia.

Như chúng tôi đã nói trên đây, lá quốc kỳ đầu tiên được dùng trên thế giới là cờ tam sắc của Pháp. Nó là kết quả một sự tương nhượng giữa hoàng gia Pháp và nhơn dân thị xã Paris. Sau đó, nhà vua Louis thứ XVI của Pháp đã chống lại Cách Mạng và bị xử tử, nhưng chánh phủ cách mạng Pháp vẫn chánh thức lấy lá cờ tam sắc làm quốc kỳ.

Lúc dòng vua chánh thống của Pháp được đưa lên ngôi báu trở lại, họ đã dùng lá cờ trắng có hoa huệ vàng của hoàng gia làm quốc kỳ, nhưng cờ này chỉ được dùng từ năm 1816 đến năm 1830. Với cuộc

Cách Mạng 1830, dòng Orléans được đưa lên thay dòng vua chánh thống và cờ tam sắc đã được dùng làm quốc kỳ trở lại.

Năm 1848, dòng Orléans lại bị lật đổ. Một số nhà cách mạng tả khuynh thời đó đã chủ trương dùng cờ đỏ thay cờ tam sắc làm quốc kỳ, nhưng sau một bài diễn văn cảm động của thi hào Lamartine, người Pháp đã quyết định giữ cờ tam sắc. Lúc ấy, người Pháp lập Đế Nhị Cộng Hòa. Nhưng người đầu tiên được bầu làm Tổng Thống của nền cộng hòa này lại là cháu của Hoàng Đế Napoléon thứ I. Năm 1850, ông đảo chánh để lên ngôi hoàng đế với danh hiệu Napoléon thứ III. Đến năm 1870, vì gây chiến với Đức và bị thảm bại nên ông phải thoái vị.

Quốc Hội Pháp được bầu vào lúc đó gồm nhiều người bảo hoàng muốn tái lập chế độ quân chủ và tôn làm quốc vương Bá Tước Chambord, người lãnh đạo dòng vua chánh thống từ năm 1836. Nhưng Bá Tước Chambord đòi hỏi phải bỏ cờ tam sắc để lấy cờ trắng thêu hoa huệ vàng làm quốc kỳ. Những người bảo hoàng nhiệt tâm nhứt đều biết rằng quốc dân Pháp lúc đó không chấp nhận cờ trắng thêu hoa huệ vàng thay cờ tam sắc nên cố thuyết phục Bá Tước Chambord bỏ ý định của ông. Thống Chế Mac Mahon là một lãnh tụ bảo hoàng đã bảo rằng: *"Nếu dùng lá cờ trắng thay lá cờ tam sắc thì không cần ai bám cờ, súng cũng tự nổ"*. Vì Bá Tước Chambord vẫn khăng khăng phủ nhận lá cờ tam sắc nên cuối cùng phe bảo hoàng phải từ bỏ chủ trương tái lập chế độ quân chủ.

Thời Thế Chiến II, Thống Chế Pétain đã chịu đầu hàng người Đức trong khi Tướng De Gaulle chạy sang Anh kêu gọi người Pháp kháng chiến. Lúc ấy, có hai lực lượng Pháp đối đầu nhau và cả hai đều dùng lá cờ tam sắc. Để phân biệt hai bên, Tướng De Gaulle chỉ dùng một cây thánh giá Lorraine gồm hai nhánh ngang và một nhánh dọc đặt trên cờ để làm hiệu kỳ cho Lực Lượng Pháp Quốc Tự Do (LLPQTD) của ông. Đến khi giải phóng được nước Pháp, ông đã không vì cờ tam sắc đã bị Thống Chế Pétain dùng trong khi đầu hàng Đức để xin thay đổi nó. Do đó, cờ tam sắc vẫn là quốc kỳ của Pháp và lá cờ có dấu thập tự Lorraine chỉ được xem là hiệu kỳ của LLPQTD.

Nói chung lại thì từ năm 1789, ở Pháp có ba quan niệm chánh trị căn bản thể hiện bằng ba lá cờ: quan niệm quân chủ chánh thống với cờ trắng thêu hoa huệ vàng, quan niệm cách mạng tả phái với cờ đỏ và quan niệm dân chủ tự do với cờ tam sắc. Cờ tam sắc biểu tượng được lý tưởng chung của đa số dân Pháp nên đã được chọn làm quốc kỳ và các mưu toan thay đổi nó đều không thành tựu được.

3. Nhiệm vụ người quốc gia Việt Nam đối với quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ

Người quốc gia Việt Nam ta may mắn có một lá quốc kỳ rất đẹp và oai hùng. Phải thấy cờ này bay phấp phới trên một nền trời trong xanh mới thấy hết cái đẹp oai hùng đó. Mặt khác, cờ vàng ba sọc đỏ mang nhiều ý nghĩa triết lý và chánh trị tuyệt hảo, hơn hẳn lá cờ đỏ sao vàng chống đối lại nó. Từ khi Quốc Gia Việt Nam được công nhận là một nước độc lập, cờ vàng ba sọc đỏ đã được nhiều quốc gia trên thế giới biết. Tại Việt Nam, nó đã là biểu tượng hội tập nhiều triệu chiến sĩ quân nhơn cũng như dân sự tranh đấu cho sự tự do của dân tộc Việt Nam. Nó đã được dùng để phủ lên áo quan của nhiều trăm ngàn người đã chết vì Tổ Quốc Việt Nam. Như vậy, nó là một bảo vật thiêng liêng đối với mọi người chúng ta.

Hiện nay, quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ không còn được chánh thức dùng bên trong nước Việt Nam, nhưng mọi người Việt Nam ở quốc nội đều biết rằng nó là lá cờ tượng trưng cho nền độc lập và tự do của Tổ Quốc, chống lại chế độ cộng sản tàn ác, phi nhơn và nô lệ ngoại bang. Bên ngoài Việt Nam, nó cũng được người ngoại quốc xem là biểu tượng của phía người Việt Nam chống lại Cộng Sản. Không biểu tượng nào khác có thể thay thế cờ vàng ba sọc đỏ về các mặt này. Vậy, việc tỏ lòng tôn trọng

quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ và dùng nó một cách rộng rãi ở nơi nào có người quốc gia Việt Nam là một công cuộc đóng góp lớn vào việc giải phóng đất nước khỏi ách Cộng Sản.

Việc một hội đoàn Việt Nam dùng làm hiệu kỳ một lá cờ nền vàng ba sọc đỏ trên có biểu tượng riêng cho mình là một điều hữu ích cho công cuộc tranh đấu chống lại Cộng Sản. Khi Liên Minh Dân Chủ Việt Nam (LMDCVN) áp dụng nguyên tắc trên đây và thêm 5 ngôi sao 5 nhánh màu xanh trên cờ vàng ba sọc đỏ để làm đoàn kỳ của mình, một số người đã chỉ trích vì cho rằng như vậy là bất kính đối với quốc kỳ. Nhưng sự thật không phải như vậy. Việc dùng một biểu hiệu thêm vào quốc kỳ để làm hiệu kỳ cho một tổ chức tranh đấu cho Tổ Quốc là một điều mà người các nước đã từng làm. Như trên đây đã nói, khi thành lập LLPQTD để chống lại chánh phủ Pétain, Tướng De Gaulle đã dùng một cây thập tự Lorraine thêm vào quốc kỳ Pháp. Vậy, việc đoàn kỳ của LMDCVN là một quốc kỳ trên có 5 ngôi sao 5 nhánh màu xanh chỉ hàm ý rằng LMDCVN là một tổ chức của VNCH tranh đấu dưới lá quốc kỳ Việt Nam, và 5 ngôi sao 5 nhánh màu xanh chỉ để phân biệt nó với những tổ chức tranh đấu khác nhưng cùng một mục tiêu chung.

Trong khi chưa giải phóng được Việt Nam và chưa làm cho nó được chánh thức dùng trở lại trên toàn cõi Việt Nam, nhiệm vụ người Việt Nam ở hải ngoại là làm cho cờ này vẫn được sử dụng ở mọi nơi có người quốc gia Việt Nam, đặc biệt là trong những hoạt động có liên hệ đến người ngoại quốc. Về mặt này, chúng ta phải ghi công cố Đại Tá Đỗ Đăng Công, nguyên Tổng Thư Ký của Phân Bộ Việt Nam trong Liên Minh Thế Giới Chống Cộng (LMTGCC). Sau năm 1975, lúc CSVN vừa chiếm được Miền Nam Việt Nam, ban tổ chức của liên minh này đã không còn dùng cờ vàng ba sọc đỏ trong các phiên họp của họ. Nhưng bằng những lời lẽ hợp lý, cương quyết và cảm động, cố Đại Tá Đỗ Đăng Công đã làm cho họ thay đổi ý kiến và từ đó, quốc kỳ của chúng ta đã được long trọng dùng chung với cờ của các nước hội viên khác của LMTGCC ở mọi nơi.

Ngoài ra, còn có những người khác cũng có những công tác tương tự. Khi đến thuyết trình về vấn đề Việt Nam ở Viện Đại Học OSU (Oregon State University) tại Corvallis ngày 30 tháng 11 năm 1987, tôi được biết rằng các anh chị em sinh viên Việt Nam ở Viện Đại Học này đã hai lần tranh đấu với ban giám đốc để cho cờ vàng ba sọc đỏ vẫn được treo với tư cách là quốc kỳ Việt Nam ở một hội trường trưng bày cờ các nước. Phía Canada thì Cộng Đồng Việt Nam đã tranh đấu để cho thị xã Toronto chấp nhận để cho quốc kỳ Việt Nam được treo lên một tuần lễ mỗi năm tại kỳ đài của thị xã vào dịp 30 tháng 4. Tại Los Angeles (California) thì Cộng Đồng Việt Nam đã được chấp nhận cho xây dựng một kỳ đài để quốc kỳ Việt Nam sẽ được treo liên tục suốt năm. Tại San Jose (California), Cộng Đồng Việt Nam cũng sẽ xây dựng một kỳ đài tương tự*. Ngoài ra, trong dịp Tết Mậu Thìn, quốc kỳ Việt Nam đã được treo trong suốt một tuần lễ ở trụ sở các tỉnh Santa Clara, thị xã San José và thị xã Milpitas.

Có lẽ trên thế giới còn có những nơi mà đồng bào Việt Nam đã tranh đấu và thành công trong việc làm cho quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ được cộng đồng quốc tế chấp nhận treo lên mà chúng tôi không được biết nên không nêu ra đây được. Riêng Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do (UBQTYTVNTD) thì dĩ nhiên là chánh thức công nhận quốc kỳ này. Ngày 4 tháng 12 năm 1986, khi tổ chức buổi hội thảo công khai đầu tiên của Ủy Ban, Ông Chủ Tịch Paul Vankerhoven đã đích thân kiểm soát việc trang trí phòng hội thảo. Tại phòng này, quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ đã được treo chung với cờ các quốc gia trong Cộng Đồng Âu Châu và đặc biệt là được treo ở chỗ danh dự là ngay bên hữu cờ Bỉ là cờ của nước chủ nhà. Chắc chắn là trong mọi cuộc hội họp công cộng của UBQTYTVNTD mà có treo cờ thì quốc kỳ của chúng ta sẽ được treo chung với cờ các nước khác.

Việc quốc kỳ của chúng ta lần lần tái hiện bên cạnh cờ các quốc gia khác trên thế giới là một dấu hiệu cho thấy rằng công cuộc tranh đấu để giải phóng Việt Nam khỏi ách Cộng Sản có những tiến triển khả quan. Hiện nay, quốc kỳ này là biểu hiệu hội tập mọi người quốc gia Việt Nam: dầu có bất đồng ý kiến, dầu có những hiềm khích đối với nhau, mọi người quốc gia đều nên tôn trọng quốc kỳ và nếu mọi người đều quyết tâm tranh đấu chung nhau hay ít nhất cũng song song nhau thì một ngày không xa lắm, quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ sẽ phấp phới bay trên mọi nóc nhà Việt Nam từ mũi Cà Mau cho đến ải Nam Quan.

II. QUỐC CA VIỆT NAM

A. SỰ XUẤT HIỆN CỦA Ý NIỆM QUỐC CA TRONG LỊCH SỬ NHƠN LOẠI

Ý niệm quốc ca đã từng xuất hiện một lượt với ý niệm quốc kỳ. Từ ngàn xưa, loài người đã có dùng những bản nhạc hay bài ca để đánh dấu sự có mặt của một nhơn vật lãnh đạo. Nhưng thời trước, với chế độ quân chủ, các bản nhạc hay bài hát loại này được xem là biểu tượng riêng của cá nhơn nhà vua, nhà quý tộc hoặc nhà đại diện cho các cự tộc cầm đầu cộng đồng. Về nội dung, nó có thể là một bài để cho nhơn vật lãnh đạo này cầu nguyện trời hay thần linh phù hộ ông, một bài chúc tụng ông, đề cao công nghiệp của ông hay của gia tộc ông, hay một bài mô tả cảnh thái bình thịnh trị, hoặc sự cường thịnh của cộng đồng mà ông là chủ nhơn.

Chỉ với cuộc Cách Mạng Pháp năm 1789, khi quốc gia được xem là sở hữu của toàn thể mọi người sống trong cộng đồng mới có bài hát được dùng làm biểu tượng chung cho toàn thể quốc dân. Người Pháp đã dùng từ ngữ *hymne national* để chỉ loại bài hát này. Quan niệm của người Pháp lần lần được người nước khác chấp nhận và người thuộc các dân tộc nói tiếng Anh đã dùng từ ngữ *national anthem* khi nói đến bài hát tiêu biểu cho nước mình. *Hymne national* của Pháp hay *national anthem* theo tiếng Anh đã được người Việt Nam chúng ta dịch là quốc thiều nếu nhấn mạnh trên phần âm nhạc, hay quốc ca khi nhấn mạnh trên phần lời nói.

Về phần thực hiện cụ thể thì bản quốc ca đầu tiên trên thế giới là bài *Marseillaise* của Pháp. Bài này do một đại úy công binh Pháp tên Rouget de Lisle làm năm 1792 với tên là *Chiến Ca Cửa Lộ Quân Sông Rhin* (*Chant De Guerre Pour l'Armée Du Rhin*). Nhưng sau đó, nó được nổi tiếng khi được một tiểu đoàn chí nguyện quân gồm người gốc ở thị xã Marseille hát trong lúc kéo từ Marseille lên thủ đô Paris nên có tục danh là bài *Marseillaise*. Bài hát này đã được phổ biến rộng rãi ở Pháp từ năm 1792 và đến năm 1795, nó đã được chính thức chọn làm quốc ca của Pháp.

Sau khi người Pháp tung ra ý niệm quốc ca, nhiều nước khác đã chấp nhận ý niệm này và đều có quốc ca. Có khi quốc ca được chọn là một bài đã được dùng để đánh dấu sự hiện diện của nhà vua. Đó là trường hợp bài *God Save The King* (Trời Phù Hộ Đức Vua) hay *God Save The Queen* (Trời Phù Hộ Nữ Hoàng) nếu quốc trưởng là một nữ hoàng. Bài này đã được dùng ở Anh từ trước Cách Mạng Pháp, nhưng đến năm 1825 mới được chính thức xem là quốc ca của nước Anh.

B. CÁC BẢN NHẠC ĐÃ XUẤT HIỆN Ở VIỆT NAM VỚI TƯ CÁCH LÀ QUỐC THIỀU VÀ QUỐC CA

1. Quốc ca xuất hiện đầu tiên: bản *Đặng Đàn Cung* của Hoàng Đế Bảo Đại

Ở Việt Nam trước đây, cũng như ở các nước quân chủ cổ thời khác, có những bản nhạc và bài hát được dùng trong các lễ long trọng để đánh dấu sự hiện diện của nhà vua. Về ý niệm quốc thiều hay quốc ca, nó chỉ xuất hiện ở nước ta khi dân tộc ta bị lọt vào ách thực dân Pháp.

Tuy nhiên, trong gần suốt thời kỳ Pháp thuộc, dân Việt Nam vẫn chưa có quốc thiều và quốc ca. Nam Kỳ lúc ấy là thuộc địa Pháp và khi có các cuộc lễ lớn thì bản nhạc được dùng là bài Marseillaise của người Pháp. Ở Huế thì triều đình nhà Nguyễn có một số bản nhạc được dùng khi có sự hiện diện của nhà vua. Nhưng các bản nhạc trên đây không phải là quốc thiều hay quốc ca theo đúng nghĩa kim thời của nó.

Đến thời Thế Chiến II, Hoàng Đế Bảo Đại mới ấn định quốc thiều và quốc ca một lượt với quốc kỳ. Bản quốc thiều và quốc ca này là bản Đấng Đàn Cung. Đó là một bản nhạc cổ điển của Việt Nam và được triều đình Huế dùng khi nhà vua ngự đến đài Nam Giao để đại diện cho tất cả thần dân làm lễ tế trời. Lễ này ba năm cử hành một lần và được xem là cuộc lễ quan trọng hơn hết của triều đình. Do đó, bản Đấng Đàn Cung được xem là bản nhạc trang nghiêm nhất. Vì vậy, Hoàng Đế Bảo Đại đã dùng nó làm quốc thiều và quốc ca trong khi cờ long tinh được chọn làm quốc kỳ. Cũng như cờ long tinh, bản Đấng Đàn Cung chỉ được dùng trên lãnh thổ Đại Nam tức là Trung Kỳ và Bắc Kỳ, còn ở Nam Kỳ bị xem là lãnh thổ Pháp thì bản Marseillaise vẫn phải được dùng.

2. Quốc ca thứ nhì: bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông thời chánh phủ Trần Trọng Kim

Sau khi Nhật đảo chánh Pháp và Việt Nam tuyên bố độc lập, chánh phủ Trần Trọng Kim đã ban bố một chương trình hưng quốc ngày 8 tháng 5 năm 1945, trong đó bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông của nhạc sĩ Hùng Lô được chọn làm quốc ca. Lời ca của bản nhạc này như sau:

*Việt Nam, minh châu trời Đông!
Việt Nam, nước thiêng Tiên Rồng!
Non sông như gấm hoa uy linh một phương,
Xây vinh quang ngất cao bên Thái Bình Dương.
Từ ngàn xưa tài danh lừng lẫy khắp nơi.
Tiếng anh hùng tạc ghi núi sông muôn đời.
Máu ai còn vương cỏ hoa
Giục đem tâm thân xẻ với sơn hà.
Giơ tay cương quyết,
Ta ôn lời thề ước.
Hy sinh tâm huyết,
Ta báo đền ơn nước.
Dầu thân này nát tan tàn gó da ngựa cũng cam,
Thề trọn niềm trung thành với sơn hà nước Nam.*

Bản quốc ca này được dùng chung với cờ quẻ Ly ở Bắc và Trung Việt, nhưng không được dùng ở Nam Việt vì Nam Việt đã bị người Nhật thay người Pháp điều khiển một cách trực tiếp và chỉ được trả cho triều đình Huế lúc Hoàng Đế Bảo Đại đã sắp thoái vị rồi. Vậy, trong thời kỳ từ khi người Nhật đảo chánh Pháp cho đến khi Mặt Trận Việt Minh cũng cố được chánh quyền của nó ở Nam Việt, cả lãnh thổ này không có quốc ca. Bài hát được người quốc gia ở Nam Việt dùng khi đứng lên tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam thời đó là bài Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên của Thanh Niên Tiền Phong, chung với cờ vàng sao đỏ cũng của tổ chức này. Như chúng tôi sẽ trình bày sau đây,

bản nhạc của bài Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên này chính là bản nhạc của bài quốc ca mà chúng ta đang dùng.

3. Quốc ca thứ ba: bản Tiến Quân Ca của tập đoàn CSVN

Khi cướp được chánh quyền, tập đoàn CSVN đã dùng làm quốc ca bản Tiến Quân Ca của nhạc sĩ Văn Cao. Bản nhạc này đã được họ bắt đầu dùng khi tổ chức các đơn vị võ trang đầu tiên và cho đến nay, vẫn được họ dùng làm quốc ca.

4. Quốc ca của Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc

Khi Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc thành lập năm 1946, những người cầm đầu phong trào Nam Kỳ Tự Trị đã dùng làm quốc ca một bản phổ nhạc của mấy câu thơ đầu trong Chinh Phụ Ngâm Khúc mà tác giả là Giáo Sư Võ Văn Lúa, một giáo sư trung học thời Pháp thuộc. Sau đó, Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc lại dùng một bản nhạc khác cũng của vị giáo sư này làm quốc ca, nhưng về nhạc và lời, bản sau này cũng chẳng hơn gì bản trước. Các bản quốc ca quái đản trên đây thật xứng với lá cờ sứt rết dùng làm quốc kỳ cho Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc. Nó đã là một đề tài chế giễu của người dân Nam Việt lúc đó và ngày nay nhắc lại nó, chúng tôi không biết nên cười hay nên khóc vì tuy hết sức lố bịch, nó đã được dùng làm biểu tượng cho một tổ chức chống lại nền thống nhất của Việt Nam và đã gây nhiều đau khổ chết chóc cho những người tranh đấu cho nền thống nhất này.

5. Quốc ca của chúng ta ngày nay

Bản quốc ca của chúng ta hiện nay có một lịch sử đặc biệt. Người sáng tác bản nhạc là Lưu Hữu Phước, một cựu học sinh trường trung học Pétrus Ký và cựu sinh viên Viện Đại Học Hà Nội. Nếu tôi không lầm thì bản nhạc này đã được soạn ra lúc Lưu Hữu Phước còn học ở trường Pétrus Ký. Năm 1942, anh ta là sinh viên của Viện Đại Học Hà Nội. Thời Thế Chiến II, Viện Đại Học này là Viện Đại Học duy nhất của các nước Đông Dương. Nó có khoảng 800 sinh viên trong đó phân nửa là người Việt Nam, còn lại là người Khmer, người Lào, người Pháp và ngay cả người một số nước láng giềng như Trung Quốc và các nước Đông Nam Á Châu.

Vì là Viện Đại Học duy nhất của Đông Dương nên Viện Đại Học Hà Nội đã họp tập tất cả sinh viên Việt Nam thời đó. Các sinh viên ái quốc gia nhập các chánh đảng cách mạng tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam đã tổ chức những tổ bí mật tại đó. Đặc biệt Đại Việt Quốc Dân Đảng có đảng trưởng Trương Tử Anh và một cán bộ nòng cốt là Anh Nguyễn Tôn Hoàn học tại Viện Đại Học Hà Nội thời Thế Chiến II. Anh Nguyễn Tôn Hoàn là người giỏi về nhạc nên được bầu làm Trưởng Ban Âm Nhạc của Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương (Association Générale des Étudiants Indochinois) và anh đã lãnh nhiệm vụ bí mật hướng dẫn các sinh viên hoạt động về văn hóa theo chiều hướng tranh đấu chống thực dân.

Chiều ngày 15 tháng 3 năm 1942, Tổng Hội Sinh Viên Đông Dương (THSVĐD) đã tổ chức tại Đại Giảng Đường của Viện Đại Học Hà Nội một buổi hát để lấy tiền giúp các bệnh nhơn nghèo của các bệnh viện được dùng làm nơi thực tập cho các sinh viên Khoa Y Dược. Các sinh viên Việt Nam đóng vai tuồng chủ động trong Tổng Hội đã quyết định nhơn cơ hội này tung ra một bản nhạc đặc biệt là Sinh Viên Hành Khúc, tên Pháp là Marche des Étudiants. Anh Nguyễn Tôn Hoàn được ủy nhiệm chọn bản nhạc dùng vào công việc đó. Lúc ấy, Lưu Hữu Phước đã đưa cho anh một số bài nhạc do anh ta soạn. Anh Nguyễn Tôn Hoàn nhận thấy rằng trong tất cả các dự thảo của Lưu Hữu Phước, bản nhạc mà chúng ta hiện dùng làm quốc thiều có tánh cách khích động tinh thần tranh đấu hơn hết nên đã chọn

nó làm nhạc cho Sinh Viên Hành Khúc. Sau đó, một ủy ban soạn lời ca cho bản nhạc này đã được thành lập với Đặng Ngọc Tốt, Mai Văn Bộ, Huỳnh Văn Tiếng, Phan Thanh Hòa, Hoàng Xuân Nhị. Lời ca này gồm ba đoạn với một điệp khúc chung:

*(I) - Này sinh viên ơi! Đứng lên đáp lời sông núi!
Đồng lòng cùng đi, đi, mở đường khai lối.
Vì non sông nước xưa, truyền muôn năm chớ quên,
Nào anh em Bắc Nam! Cùng nhau ta kết đoàn!
Hồn thanh xuân như gương trong sáng,
Đừng tiếc máu nóng, tài xin ráng!
Thời khó, thế khó, khó làm yếu ta,
Dầu muôn chông gai vững lòng chi sá.
Đường mới kíp phóng mắt nhìn xa bốn phương,
Tung cánh hồn thiếu niên ai đó can trường.
(Điệp khúc)*

*Sinh viên ơi! Ta quyết đi đến cùng!
Sinh viên ơi! Ta thề đem hết lòng!
Tiến lên đồng tiến! Vẽ vang đời sống!
Chớ quên rằng ta là giống Lạc Hồng!*

*(II) - Này sinh viên ơi! Dấu xưa vết còn chưa xoá!
Hùng cường trời Nam, ghi trên bảng vàng bia đá!
Lùa quân Chiêm nát tan, thành công Nam tiến luôn,
Bình bao phen Tống Nguyên, từng ca câu khải hoàn.
Hồ Tây tranh phong oai son phấn,
Lừng tiếng Sát Thát Trần Quốc Tuấn.
Mài kiếm cứu nước nhớ người núi Lam,
Trừ Thanh, Quang Trung giết hàng bao đám.
Nòi giống có khí phách từ xưa chớ quên,
Mong đến ngày vẽ vang, ta thấp hương nguyên.
(Trở lại điệp khúc)*

*(III) - Này sinh viên ơi! Muốn đi đến ngày tươi sáng,
Hành trình còn xa, chúng ta phải cùng nhau gắng!
Ngày xưa ai biết đem tài cao cho núi sông,
Ngày nay ta cũng đem lòng son cho giống dòng.
Là sinh viên vun cây văn hoá,
Từ trước sẵn có nhiều hoa lá.
Đời mới kiến thiết đáp lòng những ai
Hằng mong ta ra vững cầm tay lái.
Bền chí quyết cố gắng làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!
(Trở lại điệp khúc)*

Các lời ca tiếng Việt như trên đây được dùng cho sinh viên Việt Nam và có mục đích thúc đẩy người Việt Nam tranh đấu cho đất nước Việt Nam. Nhưng vì như trên đã nói, Viện Đại Học Hà Nội lúc ấy còn có nhiều sinh viên không phải Việt Nam nên ngoài lời ca tiếng Việt, lại còn có lời ca tiếng Pháp để mọi sinh viên của Viện đều có thể dùng nó được. Lời ca tiếng Pháp này dĩ nhiên là không thể nói riêng về Việt Nam mà phải nói đến cả Đông Dương để cho phù hợp với tên THSVĐD. Lời ca tiếng Pháp cũng do ủy ban nói trên đây soạn ra:

*Étudiants! Du sol l'appel tenace
Pressant et fort, retentit dans l'espace.
Des côtes d'Annam aux ruines d'Angkor,
À travers les monts, du sud jusqu'au nord,
Une voix monte ravie:
Servir la chère Patrie!
Toujours sans reproche et sans peur
Pour rendre l'avenir meilleur.
La joie, la ferveur, la jeunesse
Sont pleines de fermes promesses.
(Điệp khúc)*

*Te servir, chère Indochine,
Avec coeur et discipline,
C'est notre but, c'est notre loi
Et rien n'ébranle notre foi!*

Buổi hát chiều ngày 15 tháng 3 năm 1942 đã đưa đến những kết quả mỹ mãn và bản Sinh Viên Hành Khúc tên Pháp là Marche des Étudiants đã được chánh thức công nhận là bản nhạc của THSVĐD. Mùa hè năm đó, Tổng Hội này lại tổ chức một buổi lễ mãn khoá tại Nhà Hát Lớn Hà Nội. Lần này, có Toàn Quyền Đông Dương và nhiều viên chức cao cấp Pháp khác đến dự. Bản Sinh Viên Hành Khúc được dàn nhạc của Hải Quân Pháp trình tấu. Âm điệu hùng hồn của nó đã làm mọi người khích động và khi nó được trỗi lên, tất cả mọi người tham dự lễ mãn khoá năm 1942 của Viện Đại Học Hà Nội, kể cả các viên chức cao cấp Pháp, đều đã nghiêm chỉnh đứng dậy để chào nó. Sau đó, nó được phổ biến khắp nơi. Các sinh viên Pháp, Khmer và Lào dĩ nhiên là theo lời ca Pháp. Về phía Việt Nam thì các sinh viên chỉ lo đi học chứ không có nhiệt tâm tranh đấu chánh trị cũng chỉ biết có lời ca Pháp. Phần các sinh viên Việt Nam có nhiệt tâm tranh đấu cho nền độc lập của dân tộc thì đem ra phổ biến ở khắp cả ba kỳ trong kỳ nghỉ hè năm đó với lời ca tiếng Việt, như là đoạn I nói trên đây. Vì thế, từ năm 1943, bài Sinh Viên Hành Khúc đã được người Việt Nam ở cả ba kỳ biết.

Năm 1945, sau khi Nhật đảo chánh Pháp, Thanh Niên Tiền Phong được thành lập ở Nam Việt và lấy bản nhạc trên đây làm đoàn ca. Tên bản nhạc được đặt lại là Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên. Về lời thì hai chữ sinh viên được thay bằng hai chữ thanh niên. Lúc người Pháp trở lại chiếm Nam Việt cuối năm 1945, Thanh Niên Tiền Phong đã huy động người ái quốc Việt Nam ở Nam Việt đứng lên chống lại họ dưới lá cờ vàng sao đỏ và bản Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên.

Năm 1948, trong phiên họp lịch sử ở Hongkong giữa Cựu Hoàng Bảo Đại và một số thân hào nhơn sĩ cùng đại diện các đoàn thể chánh trị và tôn giáo ở Việt Nam, Anh Nguyễn Tôn Hoàn đã đề nghị lấy bản

nhạc của Thanh Niên Hành Khúc làm quốc thiều cho Quốc Gia Việt Nam. Hội nghị đã đồng ý và tên bản nhạc được đặt lại là Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Về lời ca, đoạn I của bài Thanh Niên Hành Khúc nói trên đây đã được dùng, với hai chữ công dân thay cho hai chữ thanh niên.

Ngày 2 tháng 6 năm 1948, chính phủ lâm thời Việt Nam được thành lập với Tướng Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng và Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân được chính thức dùng làm quốc ca. Lúc Ông Ngô Đình Diệm lật đổ Quốc Trưởng Bảo Đại để thành lập chế độ cộng hoà, Quốc Hội Lập Hiến được bầu năm 1956 đã có đặt vấn đề chọn một bài quốc ca khác. Tuy nhiên, lúc đó, phần lớn các bản nhạc được đề nghị dùng làm quốc ca đều không đủ tiêu chuẩn để được chấp nhận. Bài duy nhất được xem là xứng đáng làm quốc ca chính là bài Việt Nam Minh Châu Trời Đông của nhạc sĩ Hùng Lĩnh đã được chính phủ Trần Trọng Kim chọn làm quốc ca năm 1945. Tuy nhiên, hai Ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu cuối cùng đã không chấp nhận việc dùng bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông làm quốc ca vì một lý do đặc biệt.

Năm 1945, hai Đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng (VNQDD) và Đại Việt Quốc Dân Đảng (ĐVQDD) đã sáp nhập lại làm một với tên chung là Quốc Dân Đảng và Đảng này đã lấy bài Việt Nam Minh Châu Trời Đông làm đảng ca. Sau đó, VNQDD và ĐVQDD lại tách nhau ra, nhưng cả hai đều giữ đảng ca Việt Nam Minh Châu Trời Đông. Vì biết được việc này nên hai anh em Ông Diệm đã không chấp nhận bản nhạc này làm quốc ca. Rốt cuộc, Quốc Hội Lập Hiến năm 1956 đã quyết định giữ lại bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân làm quốc ca, nhưng đổi lời lại như sau:

*Này công dân ơi! Quốc gia đến ngày giải phóng.
Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống!
Vi tương lai quốc dân, cùng xông pha khó khăn,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dầu cho thây phơi trên gươm giáo,
Thù nước lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy,
người công dân luôn vững bền tâm trí,
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!
(Điệp khúc)
Công dân ơi! Mau hiến thân dưới cờ!
Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ
Thoát cơn tàn phá, về vang đời sống
Xứng danh ngàn năm dòng giống Lạc Hồng.*

Bản nhạc và lời ca này đã được dùng suốt thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa cho đến ngày nay.

C. VẤN ĐỀ THAY ĐỔI QUỐC CA

Nói tóm lại, trừ các bản nhạc vô duyên đã được Nam Kỳ Cộng Hòa Quốc dùng làm quốc ca, nhưng thật sự không thể xem là quốc ca được, dân tộc Việt Nam có cả thảy bốn bản nhạc xứng đáng với danh nghĩa quốc ca là Đảng Đoàn Cung, Việt Nam Minh Châu Trời Đông, Tiến Quân Ca và Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Bốn bản quốc ca này đã được dùng song song với bốn lá quốc kỳ: bản Đảng Đoàn Cung với cờ long tinh, bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông với cờ quẻ Ly, bản Tiến

Quân Ca với cờ đỏ sao vàng và bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân với cờ vàng ba sọc đỏ.

1. So sánh các bản quốc ca với nhau

Bản Đăng Đàn Cung là bản nhạc cổ điển Việt Nam thuộc loại nhã nhạc. Loại nhạc này có tính cách nghiêm trang và ôn hòa, trái với dân nhạc là loại nhạc biểu lộ tình cảm một cách nồng nhiệt và chỉ được dùng trong việc giải trí hay hội họp vui chơi. Bản Đăng Đàn Cung là một bài nhã nhạc dùng trong lễ tế Nam Giao của nhà vua. Do đó, nó có tính cách trang trọng, nhưng không hùng hồn và không khích động được tinh thần người nghe. Bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông là một bản tân nhạc có tính cách khích động hơn bản Đăng Đàn Cung, nhưng cái hùng của nó là loại trầm hùng nên không khích động tinh thần người nghe bằng bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân. Vì là một hành khúc, bản quốc ca hiện nay của chúng ta khích động tinh thần người nghe một cách mạnh mẽ hơn. Mặt khác nữa, hoàn cảnh lịch sử đã làm cho nó đóng một vai tưởng tích cực trong cuộc tranh đấu cho nền độc lập và tự do của dân tộc Việt Nam. Thời Thế Chiến II, với tên là Sinh Viên Hành Khúc, nó đã được dùng để đánh thức tinh thần tranh đấu của nhơn dân Việt Nam. Đến lúc người Pháp đem binh đến để tái chiếm Nam Việt, dưới tên Thanh Niên Hành Khúc hay Tiếng Gọi Thanh Niên, nó đã được dùng để thúc đẩy các chiến sĩ cầm tầm vọt nhọn đứng lên tranh đấu với Quân Đội Viễn Chinh Pháp. Khi nước Pháp chánh thức nhìn nhận nền độc lập và thống nhất của Việt Nam, nó đã thành bản quốc ca với tên là Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân.

Bản Tiến Quân Ca của CSVN cũng có tính cách khích động tinh thần người nghe như bản quốc ca của chúng ta. Nhưng về lời ca thì từ hình thức Sinh Viên Hành Khúc qua Thanh Niên Hành Khúc đến Quốc Dân Hành Khúc, bản quốc ca của chúng ta nhiều lắm là nói đến "thù nước lay máu đào đem báo", còn Tiến Quân Ca với lời "thề phan thây uống máu quân thù" rõ là sắt máu quá và có thể làm cho thế giới xem dân tộc Việt Nam là dã man. Về mặt chánh trị, bản Thanh Niên Hành Khúc đã được dùng để thúc đẩy các thanh niên ái quốc Nam Việt cầm tầm vọt nhọn chống lại Quân Đội Viễn Chinh Pháp trong khi bản Tiến Quân Ca đã được trở lên để chào đón Quân Đội này lúc họ đổ bộ ra Bắc Việt theo sự thoả thuận với Hồ Chí Minh trong Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946. Sau đó, nó đã được dùng khi bộ đội Việt Minh cùng với bộ đội Pháp hợp tác nhau trong Ban Liên Kiểm Việt-Pháp để tiến đánh các chiến khu của Đại Việt Quốc Dân Đảng, Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội.

2. Lý luận của những người muốn đổi quốc ca

Những người muốn đổi quốc ca đã đưa ra nhiều lý luận khác nhau. Trong các lý luận được đưa ra, chỉ có một cái đáng cho chúng ta lưu ý. Lý luận này đặt nền tảng trên chỗ tác giả bản nhạc được chúng ta dùng làm quốc ca là Lưu Hữu Phước, hiện là một cán bộ cộng sản, và Lưu Hữu Phước đã lên tiếng sỉ vả người quốc gia Việt Nam là vô liêm sỉ khi lấy bản nhạc của anh ta và đặt lại lời ca để dùng. Một số người quốc gia Việt Nam đã tỏ ra khó chịu về việc này và những người muốn thay đổi quốc ca đã dựa vào đó để kêu gọi mọi người bỏ bản quốc ca hiện tại.

a. Nhận định về cá nhơn Lưu Hữu Phước

Vì lý luận trên đây dựa vào cá nhơn Lưu Hữu Phước nên chúng ta cần phải biết về cá nhơn này trước khi phán đoán. Thời Thế Chiến II, Lưu Hữu Phước là một sinh viên có tinh thần quốc gia và cũng như nhiều sinh viên khác của Viện Đại Học Hà Nội, chỉ có chủ trương giành độc lập cho Việt Nam mà

không gia nhập đoàn thể chánh trị nào. Lúc CSVN chưa cướp được chánh quyền, Lưu Hữu Phước đã hoạt động với Anh Nguyễn Tôn Hoàn là một cán bộ của Đại Việt Quốc Dân Đảng tại Viện Đại Học Hà Nội.

Lúc CSVN cướp được chánh quyền, Lưu Hữu Phước và một số sinh viên khác gia nhập Đảng Tân Dân Chủ, một chánh đảng hợp tác với CSVN trong Mặt Trận Việt Minh, nhưng lúc đầu phân biệt với Đảng CSVN và nhiều khi cạnh tranh lại đảng này. Tuy nhiên, bằng cách vừa mua chuộc, vừa lấn ép, CSVN đã lôi phần lớn các đảng viên Tân Dân Chủ vào Đảng CS và chỉ còn dùng tên Đảng Tân Dân Chủ làm một nhãn hiệu để làm cho người ta lầm tưởng rằng chế độ họ xây dựng lên không phải là chế độ độc đảng.

Lưu Hữu Phước thuộc thành phần đảng viên Tân Dân Chủ bị lôi kéo vào Đảng CS. Anh ta không đủ khí phách để chống lại việc đó và bị loại ra khỏi trường chánh trị như Đặng Ngọc Tốt, cũng không đủ tinh thần sắt máu để được CSVN tin dùng như Huỳnh Tấn Phát, Huỳnh Văn Tiểng, Trần Bửu Kiếm. Mặt khác, anh ta không có một khả năng đặc biệt về chánh trị mà CSVN có thể khai thác được như Mai Văn Bộ. Trước sau, Lưu Hữu Phước chỉ là một nhạc sĩ. Do đó, CSVN đã dùng anh ta như một văn công, sản xuất nhạc theo lệnh Đảng và lên tiếng về các vấn đề khác những khi Đảng thấy cần. Nói tóm lại, Lưu Hữu Phước đã sáng tác bản nhạc của Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân lúc còn là một sinh viên có tinh thần quốc gia. Ngày nay, anh ta là một văn công của CSVN và mọi lời phát biểu của anh ta chỉ là do Đảng CSVN mớm cho.

b. Quan niệm chung của người các nơi trên thế giới về quốc ca

Nhưng dầu cho lúc sáng tác bản nhạc của Quốc Dân Hành Khúc, Lưu Hữu Phước đã là một đảng viên cộng sản rồi và việc chỉ trích chúng ta dùng bản nhạc đó là do ý anh ta, chúng ta cũng không phải bận tâm về vấn đề này, vì theo quan niệm chung của người các nơi trên thế giới về quốc ca thì khi một bản nhạc đã được quốc dân nhận làm quốc ca, nó không còn của riêng ai nữa mà là của toàn dân. Do đó, cá nhân người sáng tác bản nhạc cũng như người chọn bản nhạc làm quốc ca không thành một vấn đề đem ra thảo luận. Chúng ta có một tiền lệ đáng lưu ý về việc này.

Đó là trường hợp bản Marseillaise được dùng làm quốc ca Pháp. Bản quốc ca này được một nhà quý tộc Pháp là Rouget de Lisle sáng tác năm 1792. Lúc ấy, Vua Louis thứ XVI còn trị vì và Rouget de Lisle là một sĩ quan trong Quân Đội Pháp. Năm 1793, Vua Louis thứ XVI bị xử tử và Rouget de Lisle bị bắt vì là người quý tộc theo phe bảo hoàng chống lại Cách Mạng. Lúc ấy, Ông Lazare Carnot, Ủy Viên Quốc Phòng của Hội Đồng Cách Mạng vì muốn cứu một sĩ quan cùng binh chủng với mình, lại là tác giả bản Marseillaise, đã đề nghị Rouget de Lisle tuyên thệ trung thành với Cách Mạng thì sẽ được tha, nhưng Rouget de Lisle từ chối vì không chịu phủ nhận lý tưởng bảo hoàng của mình. Cuối cùng, ông ta chỉ thoát chết vì chánh phủ cách mạng chủ trương Đại Khủng Bố do Robespierre cầm đầu đã bị lật đổ trước khi bản án tử hình của ông ta được đem ra thi hành. Nhưng mặc dầu sau năm 1793, Rouget de Lisle đã trở thành người chống lại Cách Mạng, chánh quyền cách mạng Pháp vẫn tiếp tục dùng bản Marseillaise do ông sáng tác và năm 1795 đã chánh thức quyết định lấy nó làm quốc ca.

c. Trường hợp bản Tiến Quân Ca được tập đoàn CSVN dùng làm quốc ca

Bản Tiến Quân Ca được tập đoàn CSVN dùng làm quốc ca vốn do nhạc sĩ Văn Cao sáng tác trong thời kỳ CSVN chưa cướp được chánh quyền ở Việt Nam. Không rõ lúc ông sáng tác bản nhạc này, Văn Cao đã là một đảng viên cộng sản hay chưa. Nhưng chắc chắn là về sau, ông đã vào Đảng CSVN. Tuy nhiên, cũng như nhiều văn nghệ sĩ có nhiệt tâm yêu nước thời đó, Văn Cao đã lần lần

nhận chân được bộ mặt thật của Cộng Sản. Điều đáng quý là ông đã can đảm hơn nhiều người khác như Lưu Hữu Phước chẳng hạn, và đã dám nói lên sự bất mãn và chống đối của mình. Ông đã tham dự phong trào Nhân Văn Giai Phẩm hồi năm 1956 và đã dứt khoát chống lại Đảng CSVN. Trong con mắt của CSVN hiện nay, Văn Cao là một phần tử phản Đảng, phản động, phản cách mạng.

Với chủ trương độc tài sắt máu và lòng tự hào là Đảng mình lúc nào cũng hành động hợp với chánh nghĩa, CSVN rất xấu hổ về chỗ bản quốc ca họ dùng là sáng tác của một nhạc sĩ phản Đảng, phản động và phản cách mạng. Bởi đó, họ không chịu theo quan niệm thông thường bắt đầu với lịch sử bản Marseillaise của Pháp, nghĩa là bất chấp lập trường chánh trị về sau của tác giả bản quốc ca. Họ đã treo một giải thưởng lớn cho người sáng tác được một bản nhạc đáng làm quốc ca mới. Nhưng trong nhiều trăm bản nhạc gửi đến dự thi, họ đã không chọn được bản nào ra hồn. Cuối cùng, họ phải hậm hực giữ bản Tiến Quân Ca làm quốc ca.

Người quốc gia Việt Nam chúng ta theo quan niệm thông thường trên thế giới về quốc ca nên không có gì phải hậm hực vì tác giả bản quốc ca chúng ta đang dùng hiện đã trở thành một văn công của CSVN. Và nếu có người nào đem việc Lưu Hữu Phước sĩ tử chúng ta về chỗ đã lấy bản nhạc do anh ta sáng tác làm quốc ca, chúng ta có thể bảo họ nên dùng các lời sĩ tử và đó đặt trong miệng Văn Cao để gọi cho tập đoàn CSVN.

3. Nhiệm vụ của người quốc gia Việt Nam đối với bản quốc ca Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân

Người quốc gia Việt Nam may mắn có một bản quốc ca hùng hồn được dùng để thúc đẩy người ái quốc tranh đấu cho nền độc lập và sự tự do của dân tộc. Bản quốc ca này rất xứng đáng với lá quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ. Với giá trị nội tại của chính nó, thêm vào vai tuồng lịch sử mà nó đã đóng, nó lúc nào cũng gây sự xúc động mạnh mẽ trong tâm trí người Việt Nam ái quốc. Từ khi được chánh thức dùng làm quốc ca của nước Việt Nam độc lập, nó đã được nhiều quốc gia trên thế giới biết đến. Tại Việt Nam, nó đã cùng với quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ làm yếu tố hội tập nhiều triệu chiến sĩ quân nhơn như dân sự tranh đấu cho sự tự do của dân tộc Việt Nam. Nó đã là bản nhạc tiễn đưa ra nghĩa trang nhiều trăm ngàn người đã chết vì Tổ Quốc Việt Nam. Như vậy, nó cũng là một bảo vật thiêng liêng của chúng ta y như quốc kỳ.

Hiện nay, bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân không còn được chánh thức dùng bên trong nước Việt Nam, nhưng như mọi người Việt Nam ở quốc nội đều biết rằng đó là bản nhạc của người quốc gia chống lại Cộng Sản. Bên ngoài Việt Nam, nó cũng được người ngoại quốc xem là bản nhạc biểu tượng cho người quốc gia chống cộng. Không bản nhạc nào khác có thể thay thế Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân về mặt này. Vậy, việc tôn trọng bản quốc ca đó và tiếp tục dùng nó chung với quốc kỳ nền vàng ba sọc đỏ một cách rộng rãi ở mọi nơi là một công cuộc đóng góp vào việc giải phóng Việt Nam khỏi ách Cộng Sản. Nếu mọi người Việt Nam ở hải ngoại đều đồng tâm nhứt trí để tranh đấu chung nhau thì một ngày không xa lắm, bản Quốc Dân Hành Khúc hay Tiếng Gọi Công Dân sẽ được hát lên ở khắp các nẻo đường đất nước Việt Nam từ mũi Cà Mau đến ải Nam Quan. Chúng tôi nghĩ rằng lúc ấy, chắc chắn không có bài khải hoàn ca nào hay hơn nó được.

Nguồn: <http://namkyluctinh.org/a-tacgia/nnhuy-quockyquocca.pdf>